

Phật tử
Những Câu Hỏi Thông Thường Về Đạo Phật
HT.Thiện Châu
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Sài Gòn, 1997

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 22-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

I. Giới thiệu

1. Xin lỗi bạn, bạn có thể cho tôi biết qua lý tưởng của bạn?
2. Phật tử là gì?
3. Đạo Phật có phải là một Tôn giáo không?
4. Làm thế nào để trở thành Phật tử?
5. Cho biết vấn đề đức tin trong đạo Phật?

II. Đức Phật

6. Đức Phật là ai?
7. Tại sao Thái tử xuất gia tu hành?
8. Đạo sĩ dòng Thích Ca tìm thầy học đạo và tu đạo như thế nào?
9. Đắc đạo rồi đức Phật có giáo hóa chúng sanh không?
10. Phải chăng đức Phật là một vị trời?
11. Làm sao biết được đức Phật là bậc giác ngộ giải thoát hoàn toàn?

III. Đạo Phật

12. Cho biết sơ qua về kinh điển căn bản của Đạo Phật?
13. Cốt lõi của đạo Phật là gì?
14. Giải thích thêm về đạo lý Vô ngã, Vô thường.
15. Với ánh sáng đạo lý Duyên khởi, đức Phật nhìn cuộc đời như thế nào?
16. Tội ác phát sinh từ đâu và làm sao diệt trừ?
17. Thế nào là luân hồi?
18. Tại sao Phật tử không tin "Thượng đế"?
19. Như vậy làm sao giải thích được nguồn gốc của con người và vũ trụ?
20. Theo đạo Phật thì những con người có mặt đầu tiên ở trên trái đất này là ai và ra sao?
21. Không đề cập đến Thượng đế nhưng đạo Phật có nói đến bản thể vũ trụ không?
22. Xin cho biết chữ Trời trong Kinh điển đạo Phật và quan niệm Thượng đế khác nhau như thế nào?
23. Vậy thì đạo Phật chủ trương "hữu thần" hay "vô thần"?

IV. Giáo Hội

24. Cho biết chữ Tăng già (sangha) là gì?
25. Những ai có thể trở thành Tỷ kheo, Tỷ kheo ni?
26. Tại sao có vị mặc áo nâu, có vị quần cà sa vàng?
27. Nam Tông và Bắc Tông khác nhau như thế nào?
28. Đạo Phật Việt Nam thuộc Nam Tông hay Bắc Tông?

29. Cho biết sơ tổ chức đạo Phật Việt Nam ngày nay?
30. Cho biết qua tình hình Phật giáo thế giới gần đây và hiện nay?

V. Phật tử

31. Cho biết sơ qua bốn phận của một Phật tử?
32. Thế nào là tu dưỡng bản thân?
33. Giải thích thêm về Bi, Trí, Dũng.
34. Phật hóa gia đình là thế nào?
35. Làm sao để cải tạo xã hội?
36. Cho biết thái độ Phật tử đối với việc xây dựng hòa bình?
37. Vì sao phải phổ biến chánh pháp?
38. Muốn phổ biến chánh pháp nên theo những quy tắc nào?

VI. Linh tinh

39. Quy y là gì?
40. Có nên đi chùa và gặp các người tu hành không?
41. Thờ Phật trong nhà có lợi ích gì?
42. Cho biết ý nghĩa của sự tụng kinh?
43. Sám hối là gì?
44. Niệm Phật là thế nào?
45. Tu thiền là gì?
46. Vì sao Phật tử ăn chay?
47. Phật tử phải kỵ giỗ như thế nào cho hợp đạo?
48. Cầu an là gì?
49. Gia đình Phật tử nên tổ chức lễ cưới cho con cháu như thế nào?
50. Xin cho biết thái độ của gia đình Phật tử đối với vấn đề hạn chế sinh sản.
51. Phải làm gì khi trong nhà có người chết?
52. Phật tử phải đối với người khác tư tưởng, khác đạo như thế nào?

I. Giới thiệu

1. Xin lỗi bạn, bạn có thể cho tôi biết qua lý tưởng của bạn?

- Tôi là Phật tử. Tôi tu học theo đạo Phật.

2. Phật tử là gì?

- Phật tử là người tu học theo đạo Phật hay người muốn giác ngộ như Phật. Nói cách khác, người Phật tử là người đi tìm sự thật nơi con người và vũ trụ theo kinh nghiệm của Phật, bậc giác ngộ hoàn toàn.

3. Đạo Phật có phải là một Tôn giáo không?

- Đạo Phật là lẽ sống giác ngộ do Phật tìm ra. Đạo Phật không phải là một "tôn giáo" theo định nghĩa thông thường mà là phương pháp giác ngộ hay là con đường đưa đến sự thể nhập chơn lý. Nếu cần dùng chữ tôn giáo (Religion) cho dễ hiểu thì có thể nói đạo Phật là một "Tôn giáo không có Thượng đế". Có người bảo đạo Phật là một triết học nhưng phải là một triết học thực tiễn.

4. Làm thế nào để trở thành Phật tử?

- Bạn có thể trở thành Phật tử nếu bạn tự nguyện hướng về giác ngộ, nghĩa là muốn kính thờ Phật làm Thầy, sống theo đạo lý vi diệu, lợi ích của Phật (Dharma) và muốn được sự hướng dẫn của các vị tu hành chơn chánh và hòa hợp với các bạn đồng đạo.

Rõ ràng hơn, Phật tử là người có lý tưởng giác ngộ luôn luôn cố gắng tu hành theo 5 giới sau đây:

- 1-Không giết hại, nghĩa là tôn trọng sự sống con người.
- 2 - Không trộm cướp, nghĩa là tôn trọng tài sản của kẻ khác.
- 3 - Không tà hạnh, nghĩa là tôn trọng hạnh phúc gia đình mình và gia đình người.
- 4 - Không dối trá, nghĩa là tôn trọng sự thật.
- 5 - Không uống những thứ làm say loạn, nghĩa là giữ gìn tâm trí bình tĩnh và sáng suốt.

Năm điều tu học này không những có ý nghĩa trong đời sống cá nhân, gia đình mà còn có ý nghĩa trong cuộc sống tập thể và xã hội.

5. Cho biết vấn đề đức tin trong đạo Phật?

- Niềm tin (sadhā) của Phật tử khác hẳn "Đức tin" của những người theo các tôn giáo khác. Phật tử luôn luôn sáng suốt trong vấn đề chấp nhận và thực hành Đạo Phật.

Phật tử kính thờ Phật với quan niệm Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn, đầy đủ từ bi, trí tuệ và hùng lực. Đối với Phật tử, tượng Phật không phải là một ngẫu tượng (idole) mà là biểu trưng lý tưởng giác ngộ, hình ảnh Chơn, Thiện, Mỹ. Sự kính lễ tượng Phật của Phật tử khác xa hành động quỳ lạy, sợ

sệt trước những hình tượng của tín đồ đa thần giáo (polythéisme) hay nhất thần giáo (monothéisme).

Phật tử quan niệm đạo lý của Phật là "ngón tay chỉ mặt trăng"; người tìm đạo phải nương theo ngón tay đạo lý để thấy được mặt trăng chân lý. Họ tìm hiểu chín chắn và phán đoán phân minh những lời dạy của Phật trước khi chấp nhận và áp dụng. Chính Phật khuyến khích họ điều đó. Chủ nghĩa tín điều (dogmatisme) không có trong đạo Phật.

Đối với Tăng Ni, Phật tử không hề xem các vị ấy là những người thay mặt Phật để tha tội hay ban phước. Họ kính trọng các vị ấy vì xem các vị ấy như là gương mẫu đạo hạnh và là người dìu dắt họ trên con đường Đạo.

II. Đức Phật

6. Đức Phật là ai?

- Đức Phật (Buddha) là danh từ chung chỉ các bậc giác ngộ hoàn toàn. Đức Phật mà chúng ta kính thờ vốn là thái tử Tất Đạt Đa (Siddhattha), con vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và hoàng hậu Ma Gia (Mâyâ). Quê hương của Ngài là tiểu bang thuộc dòng họ Thích Ca (Sâkya), về phía bắc Ấn Độ mà kinh đô là Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu), nằm trên bờ sông Rohini dưới chân Hy mã Lạp sơn, là vùng Terai của nước Nepal ngày nay.

Vua và hoàng hậu đều là những người đức độ, song thường buồn lo vì không có con nối nghiệp. Nhân một ngày lễ lớn, hoàng hậu Ma Gia trai giới trọn ngày và cùng vua phân phát tiền vật cho dân nghèo. Đêm ấy, trong khi an giấc, hoàng hậu mộng thấy con voi trắng sáu ngà, vùi ngậm cành sen trắng từ cao đi xuống, tiến đến gần rồi chui vào bên mình phía tay phải của hoàng hậu. Các nhà đoán mộng danh tiếng đoán rằng hoàng hậu sẽ sanh thái tử xuất chúng. Hoàng gia rất đổi vui mừng và hoàng hậu thụ thai từ đó.

Thời tiết đến, hoàng hậu theo tục lệ xin vua trở về nhà cha mẹ để sinh. Khi đi ngang qua vườn Lâm tỳ ni (Lumbini), hoàng hậu dừng chân ngắm xem hoa lá, và trong lúc đưa tay vịn một cành hoa thì hạ sanh thái tử. Hôm ấy là ngày trăng tròn tháng Vesakha (tháng tư ta) cách đây hơn 2500 năm.

Tin mừng thái tử ra đời vang khắp bốn phương. Đạo sĩ A-tư-đà (Asita) tìm đến hoàng cung và vào thăm thái tử. Nhìn thấy những tướng tốt nơi thái tử, đạo sĩ vô cùng mừng rỡ, nhưng sau đó lại buồn khóc. Vua rất lo ngại và gạn hỏi nguyên do, thì đạo sĩ thưa:

"Tâu bệ hạ, thái tử là bậc xuất chúng: nếu ở đời sẽ là minh vương (cakkavattin), nếu tu hành sẽ thành Phật. Tôi mừng là vì một đấng giác ngộ đã ra đời. Tôi buồn là vì đã già, tôi sẽ không còn sống cho tới ngày được nghe lời giáo hóa của Ngài".

Hoàng hậu Ma Gia từ trần sau khi thái tử sanh ra được bảy ngày. Em hoàng hậu, bà Ma-Ha-Bà-Xà-Bà-Đề nuôi dưỡng thái tử. Thái tử rất thông minh tuần tú: văn chương, võ nghệ đều tinh thông hơn người. Nhưng thái tử thường tỏ vẻ không vui với cuộc sống chung quanh.

7. Tại sao Thái tử xuất gia tu hành?

Ngay lúc bảy tuổi, một hôm thái tử được đưa ra ngoài đồng để dự lễ khai mùa đầu xuân. Trời nắng, thái tử ngồi dưới gốc cây để xem lễ. Ngoài ruộng, vua cha tay cầm tay cày nạm ngọc, đi sau đôi bò mập mạnh. Lưỡi cày làm vung lên những tảng đất mun. Những con trùng đứt khúc, uớt máu bày ra, đàn chim nhảy bay theo luồng đất vừa cày, tranh nhau mổ ăn những con trùng đang quằn quại và tìm nơi ẩn trốn. Qua cảnh tượng ấy, thái tử thấy rõ sự thật cay đắng về cuộc đời và suy ngẫm sâu sắc về nó.

Dự lễ về, như không còn thiết với cảnh sống hoa lệ của hoàng cung, thái tử trở nên trầm tư hơn trước. Vua cha nhớ lại lời đoán của đạo sĩ A-Tư-Đà (Asita), sợ thái tử sẽ xuất gia tu hành nên tìm mọi cách làm cho thái tử khuây khỏa và vui say với cảnh sống vua chúa. Vua xây cho thái tử thêm ba cung điện tráng lệ, thích hợp với ba mùa: hè, mưa và đông và cưới công chúa Da-Du-Đà-La (Yasodharâ) cho thái tử lúc 16 tuổi.

Cung vàng, điện ngọc và tình yêu của vợ hiền vẫn không làm vơi những băn khoăn và thắc mắc về cuộc đời nơi thái tử. Để hiểu rõ cuộc sống của con người, thái tử xin phép vua cha dạo chơi ngoài thành. Lần thứ nhất, thái tử rất ngạc nhiên khi thấy một người già gầy còm, hủn hển, đi từng bước với cây gậy một cách khó nhọc. Lần thứ hai, thái tử thấy người bệnh nằm rên la bên vệ đường. Lần thứ ba, người chết đang được mang ra bãi tha ma để hỏa táng. Ba cảnh tượng ấy làm ngài buồn hơn và suy nghĩ nhiều. Rất nhiều lần thái tử hỏi các giáo sư về nguyên nhân khổ đau và phương pháp diệt đau khổ. Song những câu trả lời của họ đều đầy thần quyền và thiếu lý lẽ về cuộc đời không thỏa mãn thái tử. Chính trong lần dạo chơi thứ tư, khi thái tử gặp một vị tu hành với phong độ giải thoát, tự tại, thái tử có ý định rời bỏ cuộc sống vua chúa để tìm chân lý.

Trong những ngày miên man với ý nghĩ ra đi, thì thái tử được tin công chúa Da-Du-Đà-La sinh con trai: La Hầu La (Râhula). Tin này làm vững thêm ý chí của thái tử vì từ nay đã có người nối nghiệp thì vua cha sẽ bớt buồn phiền. Lúc này thái tử đã 29 tuổi. Khuya hôm ấy, sau buổi yến tiệc linh đình, nhân lúc quân hầu, thị nữ ngủ say, thái tử cùng với người hầu cận Xa-Nặc (Chandaka) và ngựa Kiên trắc (Kanthaka) ra đi sau khi lạng lẽ từ biệt vợ con. Sáng ra, khi đến bờ sông Anôma, thái tử xuống ngựa, đổi áo gấm lấy áo thường, dùng gươm cắt tóc, rồi trao ngựa, đồ trang sức cho Xa-Nặc và bảo trở về thưa với vua cha và công chúa về mục đích ra đi của ngài.

8. Đạo sĩ dòng Thích Ca tìm thầy học đạo và tu đạo như thế nào?

Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhattha) sau khi trở thành đạo sĩ dòng Thích Ca (Sâkyamuni) đi lần đến thành Vương xá (Râjagaha) để tìm thầy học đạo. Sakyamuni gặp được các bậc thầy có tiếng như Arâda Kâlama và Udraka Ramaputra. Song các vị này không giải đáp được thắc mắc của Sâkyamuni. Sâkyamuni bèn đến Uruvela (gần Bồ đề Đạo tràng - Buddhagaya) và tu khổ hạnh ở nơi đó với hy vọng sẽ được giác ngộ. Sáu năm khổ hạnh chỉ làm cho thân thể tiêu tụy, và tinh thần suy kém, Sâkyamuni quyết định từ bỏ lối tu ép xác thanh hành này. Ngài nhận và dùng bát cơm sữa của nàng Sujâta dâng cúng. Năm người bạn đồng tu từ giả Sâkyamuni vì nghĩ rằng Sâkyamuni đã bị Ma vương cám dỗ. Trong khi đó Sâkyamuni đi đến sông Ni liên thuyền (Neranjara). Tắm rửa xong, Ngài hỏi xin người cắt cỏ một bó cỏ đủ làm đệm ngồi và đến thiền định dưới gốc cây Tất bát la (Pipal, bây giờ gọi là Bodhi) với lời nguyện: "Dù cho xương khô, máu cạn, nếu không đạt Đạo ta thề không rời khỏi nơi này". Như nguyện, Sâkyamuni tập trung tất cả tâm lực đoạn trừ phiền não và phát triển trí tuệ. Vào đêm trăng tròn sáng tháng vesakha (tháng tư ta), đoán biết Sâkyamuni sắp đắc đạo, Ma vương (Mâra) sai thủ hạ đến quấy phá, dụ dỗ. Song tất cả mưu mô quỷ quyệt của Ma vương không thắng được Sâkyamuni. Sau khi hàng phục Ma vương, hiện thân của tham lam, giận dữ, si mê, Sâkyamuni tiếp tục vận động sức mạnh của tâm trí để thể nhập chân lý. Đầu đêm tâm trí bừng sáng, Sâkyamuni chứng được túc mạng minh - biết rõ dòng sanh mạng biến chuyển từ đời này qua kiếp khác của tất cả chúng sanh; nửa đêm, chứng được thiên nhãn minh - biết rõ quá trình sanh thành và hoại diệt của sự vật qua qui luật như quả - đạo lý Duyên khởi; gần sáng, khi sao mai vừa mọc chứng được lậu tận minh - phiền não, nguyên nhân của sống chết lưu chuyển hết sạch (Dn, III, 28).

Bấy giờ Sâkyamuni, lúc 35 tuổi, thành một bậc giác ngộ hoàn toàn (Buddha); đương thời gọi là Phật Gotama hay Phật Sâkyamuni.

9. Đắc đạo rồi đức Phật có giáo hóa chúng sanh không?

- Sau khi giác ngộ, với lòng từ bi và sự minh xác rằng con người có thể hướng thiện và hướng thượng, Phật đi bộ sang Sarnath (Bénarès) để giáo hóa cho năm người bạn cùng tu khổ hạnh ngày trước. Phật giảng cho họ biết rằng muốn thấy được chân lý, phải xa lìa hai cách sống thái quá: đắm say vật dục và hủy hoại thân thể, sáng suốt nhận rõ và thực hiện bốn chân lý cao thượng: sự khổ (dukkha), Nhân của khổ (samudaya), sự tiêu diệt của khổ (nirodha) và con đường đưa đến khổ diệt (magga). Buổi giảng thứ hai, Phật bác bỏ quan niệm sai lầm về linh hồn bất tử hay bản ngã thường còn làm chủ thể của sự sống và nói rõ con người là một tổng hợp liên tục của vật chất (rupa) và tinh thần (nâma); do đó, con người xấu ác si mê có thể trở thành tốt lành, giác ngộ.

Nhờ sự hướng dẫn sáng suốt của Phật mà tăng đoàn (sangha) càng ngày càng đông: Khi tăng đoàn đã đông, Phật khuyến khích mỗi người đi mỗi ngả để truyền bá đạo lý. Cùng với tăng đoàn, Phật cũng đi khắp lưu vực sông Hằng giáo hóa cho mọi người, không phân biệt sang hèn, giàu nghèo. Những ai có khả năng xuất gia tu hành và diu dắt kẻ khác đều được thâm nhập vào tăng đoàn. Những người muốn hướng thiện song còn bận bịu với gia đình và xã hội đều được chấp nhận làm Phật tử tại gia. Phật phá bỏ những tín ngưỡng thần linh vu vơ, chỉ rõ sai lầm trong cách nhận định chân lý, cải tạo những tập tục xấu hại như giết hại súc vật để cúng tế, cầu đảo. Phật cũng mạnh dạn chống đối chế độ giai cấp lạc hậu bất công có nguồn gốc từ kinh điển Balamôn. Suốt 45 năm, từ làng này qua làng khác, Phật tận lực khai sáng cho con người thấy rõ sự thật của cuộc đời và làm cho con người nhận thấy khả năng quý báu nơi chính mình để họ dành lại quyền tạo hóa và hướng về nẻo giác ngộ cao đẹp.

Trên đường giáo hóa, vào đêm rằm tháng Vesak, Phật dừng nghỉ tại rừng Câu thi na (Kusinarâ), làng Kasia. Sau khi khuyên dạy đệ tử lần cuối cùng: "Vạn vật giả hợp đều hoại diệt, phải tinh tấn để thực hiện lý tưởng", Phật an nhiên viên tịch (parinirvâna) vào năm 80 tuổi.

10. Phải chăng đức Phật là một vị trời?

- Không! Đức Phật không phải là thần linh hay sứ giả của thần linh. Ngài là một người thức tỉnh (Bồ tát) đã tu hành trong nhiều kiếp và đến đời cuối cùng, với thân người, Ngài đạt đến quả vị giác ngộ hoàn toàn. Có thể nói Ngài là một người nhưng không phải là người thường mà là một "siêu nhân": người thông đạt chân lý (Nhu lai, Tathâgata), Phật là một bậc thầy:

"Các người hãy tự mình cố gắng,
Nhu Lai chỉ là người chỉ đường" (Pháp cú, 276)

Lời dạy của Phật là ánh sáng, là tình thương rất cần cho chúng ta, những kẻ đang sống trong bóng tối và hận thù. Không có gì quý báu hơn sự ra đời của Phật vì muôn nghìn năm mới có một lần.

11. Làm sao biết được đức Phật là bậc giác ngộ giải thoát hoàn toàn?

- Qua đạo phong cao đẹp, lời dạy như thật của Phật được ghi chép trong kinh điển, chúng ta biết rõ ngài là bậc giác ngộ hoàn toàn. Hành động và lời nói của Phật đượm màu từ, bi, hỷ, xả. Đạo lý của Phật phản ánh được sự thật nơi con người và vũ trụ. Nếu so sánh Phật với người thường và với các vị giáo chủ, triết gia khác, chúng ta thấy rõ sự giác ngộ hoàn toàn nơi Phật. Có thể xem Phật là đóa sen trắng:

"Nhu hoa sen tinh khiết, đáng nhìn,
Sinh từ bùn mà không dính bùn,
Ta không bị ô nhiễm vì cuộc đời,
Vì thế, này Bà la môn, ta là Phật". (An,II,39).

III. Đạo Phật

12. Cho biết sơ qua về kinh điển căn bản của Đạo Phật?

- Sau khi Phật viên tịch, tất cả lời dạy của Ngài lần lượt được ghi chép thành Kinh, Luật bằng chữ Pâli, hoặc Sanscrit v.v... Về sau, các bộ phái nhân giải thích Kinh, Luật mà tạo thành Luận.

Ba tạng Kinh, Luật, Luận được dịch ra chữ Trung Hoa, Tây Tạng và gần đây thì chữ Nhật Bản, Việt Nam, Anh, Đức, Pháp... (trừ bản tiếng Anh, các bản dịch Đức, Pháp, chưa được hoàn thành).

Chúng ta có thể tìm thấy Kinh Luật căn bản trong hai tạng Kinh Luật Pâli và Trung Hoa. Phần đông học giả Tây phương thường đọc và nghiên cứu kinh luật bằng chữ Pâli hay bản dịch tiếng Anh hơn là bản dịch chữ Trung Hoa.

Sau đây, xin kể sơ qua số lượng Kinh, Luật căn bản bằng chữ Pâli:

1. Tạng luật có 5 quyển.
2. Tạng kinh có 5 bộ gồm 31 quyển.

Ngoài những bộ Kinh Luật căn bản này, còn rất nhiều bộ Luật và Kinh Luật phát triển được viết về sau mà số lượng không thể kể hết được. Riêng về lời dạy của Phật còn được ghi chép và giữ gìn cho đến nay thì có độ 11 lần hơn Thánh kinh (Bible) của Thiên Chúa giáo.

13. Cốt lõi của đạo Phật là gì?

- Cốt tủy của Đạo Phật là đạo lý Duyên khởi (paticcasamuppada). Đạo lý này nói rõ sự tương quan tương duyên của tất cả hiện tượng vật lý và tâm lý. Sự hiện hữu của thế giới chỉ là tương quan đồng thời của nhận thức chủ quan và đối tượng khách quan. Sự vật ngoài ta và trong ta vốn sinh diệt biến chuyển theo quy luật nhân quả mà không hề tiêu diệt hoàn toàn: ấy là tương quan khác thời.

Nói cách khác, sự vật vốn là vô ngã (insubstanciel), nghĩa là không có "bản thể độc lập" (substance indépendante), mà là tổng hợp của nhiều điều kiện và "vô thường" (impermanent) nghĩa là luôn luôn thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Bài kệ sau đây tóm tắt ý nghĩa đạo lý Duyên khởi:

"Cái này có thì cái kia có
Cái này sanh thì cái kia sanh
Cái này không thì cái kia không
Cái này diệt thì cái kia diệt".

Đạo lý Duyên khởi chống phá ba lý thuyết sai lệch sau đây:

1. Túc mạng luận: tất cả đều do hành động đời trước (Định mệnh luận)
2. Thần ý luận: tất cả do thần linh sáng tạo và cai quản.
3. Ngẫu nhiên luận: sự vật có ra là tình cờ hay may rủi mà không do nhân duyên.

Dựa trên đạo lý Duyên khởi, Phật trình bày sự thật về con người và vũ trụ một cách như thật. Nếu nhìn sự vật đúng theo đạo lý Duyên khởi thì chúng ta sẽ thấy rõ sự thật mà không bị sai lầm theo ba lý thuyết trên.

14. Giải thích thêm về đạo lý Vô ngã, Vô thường.

a) Vô ngã (anattā) . Ảo tưởng về sự thay đổi nơi sự vật gây ra ảo tưởng về bản chất thường còn nơi sự vật hay linh hồn bất tử nơi con người. Trong thật tế, sự vật và con người liên tục biến chuyển từ trạng thái này qua trạng thái khác chứ không hề có sự thay đổi hình thể bên ngoài mà bản chất hay linh hồn vẫn tồn tại.

Không có bản chất của một cái bàn, ngoài cái bàn ; cũng như không có linh hồn ngoài sự sống con người. Cái bàn là một tổng hợp của gỗ, đinh, sơn, nhân công... Người là tổng hợp của sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Không hề có bản chất độc lập thường còn của cái bàn hay linh hồn bất tử của con người. Chính tánh cách liên tục của hành động có cố ý (karma) của con người làm cho con người hiện hữu (sẽ giải rõ hơn ở phần tái sanh).

Bảo rằng có bản chất thường còn nơi sự vật hay linh hồn bất tử nơi con người là quan niệm sai lầm gây ra bởi sự quan sát cầu thả hay sự mê chấp theo tín điều. Hiểu đạo lý Vô ngã tức là giác ngộ sự thật qua chiều ngang của sự vật (không gian).

b) Vô thường (anicca) . Vũ trụ là một thác nước chảy xiết chứ không phải là vũng nước đọng. Sự vật sinh diệt, diệt sinh không ngừng như những ngọn sóng nhô lên hạ xuống trên mặt biển. Người cũng vậy, sống chết từng ngày từng phút. Tuy vô thường song sự vật và con người không hề bị tiêu diệt mà biến đổi từ trạng thái này qua trạng thái khác và không có sự cách biệt quá rõ ràng giữa những trạng thái khác nhau trong dòng liên tục. Nói cách khác, sự vật và con người không hề "là" mà luôn luôn "trở nên". Không những

không thể có "một con suối" để chúng ta có thể tắm hai lần, mà cũng không có "một con người" để có thể tắm hai lần trên một dòng suối.

Quan niệm về bản chất của thời gian qua những ý niệm trước hay sau về một sự vật đồng nhất là một quan niệm rất quen thuộc nhưng cũng rất sai lầm. Hiểu đạo lý vô thường tức là giác ngộ sự thật qua chiều dọc của sự vật (thời gian).

15. Với ánh sáng đạo lý Duyên khởi, đức Phật nhìn cuộc đời như thế nào?

- Đối với cuộc đời, Phật chủ trương cuộc sống của loài người vốn không hoàn toàn và có nhiều khổ đau, nhất là không chắc thật và thường thay đổi, và do đó cần phải thay đổi cuộc sống đau khổ thành cuộc sống an lành. Phật có nói: "Ta chỉ dạy một điều: Khổ và Khổ diệt". Thái độ ấy được diễn tả qua bốn chân lý cao đẹp sau đây:

A. Khổ (dukkha)

a. Đau khổ thông thường như khổ vì sinh, già, bệnh, chết; khổ vì sống với oán thù, vì xa lìa người thân yêu, vì không thỏa mãn những điều mong muốn.

b. Đau khổ do lầm tưởng cuộc đời là thường còn, trong khi cuộc đời là biến chuyển.

c. Đau khổ do lầm tưởng cuộc đời là chắc thật, trong khi cuộc đời là giả hợp.

Nghĩa thứ nhất rất dễ hiểu. Song phải hiểu nó trong những thể hiện cụ thể nơi con người và trong cuộc sống qua nhiều khía cạnh khác nhau.

Hai nghĩa sau mang nhiều tính chất triết lý, song cũng có thể tìm thấy nơi đời sống hàng ngày... Cuộc đời là khổ, bởi vì cuộc đời vốn là vô ngã, vô thường, nhất là vì con người với vô minh, luôn luôn hiểu lầm rằng cuộc đời là thật có và thường còn cho nên bằng mọi cách cố thỏa mãn tánh tham lam và lòng hờn giận của mình; do đó gây thêm phiền não cho mình và cho người. Ví dụ, khi thấy người thân từ trần, chúng ta quá buồn phiền đến nỗi mất trí. Sự buồn phiền này, một phần lớn do lầm tưởng rằng người thân ấy là

cái gì chắc thật và không bao giờ chết. Nỗi khổ của chúng sanh không những là nhiều mà còn kéo dài từ đời này qua kiếp khác.

B. Nhân khổ (samudaya).

Đau khổ của loài người không do định mệnh hoặc thần linh, hoặc rủi may, mà do chính con người hay chúng sinh gây ra với tất cả hành động thúc đẩy bởi ái dục (tanhâ). Có ba thứ ái dục:

- a. Ái dục thỏa mãn dục lạc.
- b. Ái dục mở rộng cái ta.
- c. Ái dục phá hoại điều mình không thích.

Ái dục do vô minh (không sáng suốt) thúc đẩy. Vô minh và Ái dục là nguyên nhân chủ yếu của đau khổ. Không nên hiểu Ái dục một cách trừu tượng mà phải hiểu qua sự thể hiện của nó trong mọi sinh hoạt của con người hay chúng sinh trong phạm vi chính trị, kinh tế, xã hội... và ngay cả trong phạm vi tôn giáo. Ví dụ, Ái dục có thể thể hiện trong chính trị độc tài, áp bức, trong kinh tế bóc lột, trong xã hội thối nát. Trong nhiều trường hợp, nên tìm hiểu Ái dục phát xuất từ người nào hay tập thể nào để tránh lầm lẫn người phát sinh Ái dục và nạn nhân của Ái dục.

Sự thể hiện của Ái dục qua hành động gọi là Nghiệp (Karma). Vì hầu hết hành động của loài người đều do Vô minh và Ái dục thúc đẩy, nhưng chỉ những hành động có cố ý (cetanà) của thân, miệng, ý mới trở thành sức mạnh sáng tạo cuộc sống riêng (biệt nghiệp) và chung của con người (cộng nghiệp). Chúng ta gặt hái những gì chúng ta đã gieo trồng. Hành động lành ích cho chúng ta những kết quả tốt đẹp. Hành động xấu hại khiến chúng ta chịu lấy kết quả khổ đau. Luật nhân quả tự nó đã có sự "thưởng phạt", vì thế không cần thêm một đấng thiêng liêng nào khác để thưởng phạt nữa. Luật nhân quả diễn biến liên tục trong thời gian: quá khứ, hiện tại, tương lai mà không bị giới hạn trong hiện tại. Do đó, có những quả báo đến ngay sau khi gây nhân, và cũng có những quả báo sẽ đến sau một thời gian, dài hay ngắn, tùy theo nghiệp nhân mạnh hay yếu.

Đạo Phật cũng không hề nói đến "lương tâm" do trời phú cho, vì lương tâm chỉ là một tâm thái do kinh nghiệm về điều lành trong quá khứ mà có. Vì thế có những người không có hoặc mất cả lương tâm.

Có hai thứ nghiệp có ảnh hưởng đến đời sống của con người: Biệt nghiệp (hành động cá nhân) và Cộng nghiệp (hành động của tập thể).

Biệt nghiệp ảnh hưởng nhiều đến đời sống cá nhân. Cộng nghiệp ảnh hưởng nhiều đến đời sống gia đình và xã hội. Tuy nhiên kết quả của cộng nghiệp và biệt nghiệp không hề tách rời nhau. Cá nhân thiếu sáng suốt, không tự chủ, yếu hèn thì sẽ bị cộng nghiệp chi phối. Trường hợp biệt nghiệp chi phối tập thể, gia đình và nhất là xã hội có thể có nhưng rất hiếm. Do đó muốn cải tạo cuộc sống cá nhân hay cộng đồng xã hội thì không những chỉ cải tạo biệt nghiệp mà còn phải cải tạo cộng nghiệp.

Tu dưỡng nhĩa là chuyển nghiệp, theo nghĩa hẹp là cải tạo cá nhân bằng cách thay đổi biệt nghiệp, theo nghĩa rộng là cải tạo gia đình và xã hội bằng cách đổi cộng nghiệp. Tu dưỡng còn có nghĩa là thay đổi cuộc sống si mê ràng buộc thành cuộc sống giác ngộ giải thoát, thay đổi cuộc sống khổ đau thành cuộc sống an lành cho hiện tại và tương lai. Tin tưởng nghiệp như là sức mạnh tiền định, không thể chuyển đổi: "Kiếp xưa đã vụng đường tu, kiếp này quyết phải đền bù mới xong" là tin tưởng của ngoại đạo có chủ trương Túc mạng luận mà không phải là nhận thức đúng đắn theo đạo lý Duyên khởi và Nghiệp của đạo Phật.

C. Khô diệt (Nirodha).

Sự tiêu diệt của khổ đau hay là an lành khi nguyên nhân đau khổ (Vô minh và Ái dục) bị tiêu diệt. Sự an lành có thể thực hiện ngay ở đây và bây giờ. Sự tiêu diệt của khổ đau cũng gọi là Niết bàn (Nirvâna).

Niết bàn là mục đích của Phật tử. Ước mong cao nhất của Phật tử là thực hiện Niết Bàn, vì "Niết Bàn là sự an lành tuyệt đối". Muốn biết rõ nước mát, lạnh thế nào phải tự uống nước. Cũng vậy, muốn biết Niết bàn an lành như thế nào, cách tốt nhất là phải tu dưỡng và thực hiện Niết bàn. Tất cả sự diễn tả về Niết bàn của Phật hay của người khác chỉ là những khái niệm hết sức trừu tượng về Niết bàn đối với chúng ta. Tham lam, giận hờn, si mê là sức mạnh gây ra đau khổ. Nếu ba căn này bị tiêu diệt thì khổ đau không còn và an lành thể hiện. Ngài Buddhaghosa trong Visuddhimagga có kể một câu chuyện để chứng minh rằng Niết bàn không phải là "hư vô diệt tịch":

"Có một làng nọ, từ lâu bị bọn cướp quấy phá. Dân làng điêu đứng khổ sở. Một hôm, làng được quân lính nhà vua về lùng bắt và giết sạch bọn cướp. Từ đó dân làng được yên ổn làm ăn". Ý nghĩa của ví dụ là tham, sân, si bị tiêu diệt thì con người được an lành chứ không có nghĩa là sự sống của con người cũng bị tiêu diệt.

Hơn nữa, Niết bàn có hai mức độ: Niết bàn toàn phần nơi các bậc giác ngộ hoàn toàn và Niết bàn từng phần nơi những người đang tu dưỡng. Từ Niết bàn từng phần đến Niết bàn toàn phần có bốn phẩm vị gọi là bốn quả:

1. Dự lưu (vào dòng): tức là người trừ được sự chấp có ta, nghi ngờ, mê tín lễ nghi và giới điều.
2. Nhất lai (sinh lại một lần): tức là người trừ bớt được một phần của tham dục và tàn bạo.
3. Bất lai (không sinh lại): tức là người trừ hết năm điều trên.
4. A la hán (vô sanh): tức là người trừ thêm năm điều nữa: tham muốn sanh cõi sắc, tham muốn sanh cõi vô sắc, kiêu ngạo, loạn động và vô minh.

Niết bàn trong đời sống hiện tại gọi là Niết bàn còn dư thừa và sau khi thân này chết đi gọi là Niết bàn không dư thừa hay là Niết bàn trọn vẹn (parinirâna).

Những điều trình bày trên cho chúng ta thấy Niết bàn là an lành mà trong ngay đời này chúng ta có thể thực hiện và an hưởng chứ không phải chỉ là những gì cho đời sau.

D. Con đường đưa đến khổ diệt (magga).

Con đường đưa đến khổ diệt là sự tu dưỡng theo giới (sila): những qui tắc sống khôn ngoan và cao đẹp, định (samâdhi): những phương pháp tập trung và huấn luyện tâm trí và Tuệ (pannâ): những cách thức khai sáng trí tuệ để nhìn sự vật đúng như thật.

Ba điều học này được giải rộng trong con đường chánh gồm tám nẻo (bát chánh đạo):

1. Chánh kiến: hiểu biết đúng đắn sự thật của cuộc đời, nhất là hiểu rõ bốn chân lý theo hai hệ thống đau khổ và an lành.
2. Chánh tư duy: suy nghĩ những điều cao đẹp cởi mở, từ thiện và thân hữu.
3. Chánh ngữ: lời nói chân thật, hòa ái.
4. Chánh nghiệp: làm những việc lành ích cho mình và cho người.
5. Chánh mạng: nuôi sống thân mạng với nghề nghiệp lương thiện.
6. Chánh tinh tấn: siêng năng trong chiều hướng tiến bộ, tu dưỡng bản thân và phục vụ chúng sanh.
7. Chánh niệm: ý thức và kiểm soát động tác của thân, miệng, ý, nhớ rõ các pháp lành.
8. Chánh định: tĩnh tâm, cải tạo tư tưởng và trau dồi trí tuệ.

Ý nghĩa của con đường chính gồm tám nẻo có thể tóm tắt trong bài kệ sau đây:

"Không làm mọi điều ác
Thành tựu các hạnh lành
Tâm ý giữ trong sạch
Chính lời chư Phật dạy" (Pháp cú, 183)

16. Tội ác phát sinh từ đâu và làm sao diệt trừ?

- Tội ác phát sinh từ sự tham muốn thỏa mãn "cái ta". Sâu xa hơn, nguồn gốc của tội ác là sự tưởng lầm rằng mình có một "cái ta chắc thật và thường còn". Đạo lý căn bản của Phật cho chúng ta thấy rõ rằng con người vốn là vô ngã, vô thường. Nếu phân tách và hiểu rõ không có cái ta chắc thật thường còn ở trong cái thân giả hợp bởi tinh thần và vật chất, chúng ta không còn hành động vì "cái ta", và sẽ sống đời tự tại, hòa hợp và lợi tha. Khi nào nhận rõ và tu theo đạo lý vô ngã thì chúng ta mới tiêu diệt được tội ác. Ngoài ra, nghi lễ, phong tục đều là những phương tiện tốt song không phải chủ yếu để trừ diệt tội ác.

17. Thế nào là luân hồi?

- Luân hồi (samsàra) là sự sống chết nối tiếp nơi một chúng sanh. Như chúng ta biết, dòng nhân quả diễn biến một cách tương tục mà không bị hạn cuộc trong đời sống hiện tại. Do đó khi nào còn tham sống và gây nghiệp (karma) thì lúc đó chúng ta sau khi chết vẫn còn sinh trở lại và nhận lấy quả báo. Nói cách khác, sau khi thân xác này ngừng hoạt động, dòng sống vẫn còn tiếp diễn, mặc dù hình thái của sự sống ở giai đoạn sau không phải là hình thái của sự sống ở giai đoạn trước. Cần lưu ý, dòng sống này luôn luôn chuyển biến chứ không phải là có một linh hồn bất tử (âme éternelle) đi từ đời này qua đời khác như một lữ khách đi từ quán trọ này đến quán trọ kia.

- Sự tái sinh (renaissance) theo đạo Phật, không có nghĩa là sự nhập xác (réincarnation) hay là sự nhất định sinh trở lại thế giới loài người này với "cái linh hồn xưa cũ không thay đổi". Do nghiệp lực ác hay lành (sức mạnh của hành động có cố ý) mà sau khi xác thân này chết, một hình thái sống khác hoặc cao hơn loài người như các loài trời (deva) hoặc thấp hơn loài

người như cầm thú, ma quỷ và các loài cực khổ sẽ hiện thành. Như vậy dòng suối cứ tiếp diễn trong trạng thái đổi thay như dòng nước chảy xiết. Chúng sinh sau thừa hưởng gia tài tốt hay xấu của chúng sinh trước. Hai hình thái sống của hai giai đoạn thời gian và hai hoàn cảnh "không giống nhau nhưng cũng không khác nhau" (na ca so na ca anno).

Không có vấn đề con người trở thành trời hoặc thú, mà chính hành động của thân, miệng, ý (nghiệp) mang tính chất trời hay thú làm cho chúng sinh trở nên trời hay thú. Không những trong tương lai mà ngay cả hiện tại, chúng ta có thể trở thành thể này hay thể khác tùy theo hành động (nghiệp) của chúng ta.

Đạo lý luân hồi là câu trả lời cho câu hỏi "sau khi chết còn hay mất" hợp lý nhất, so với câu trả lời "sau khi chết, người ta sẽ sinh vào thiên đàng hay hỏa ngục và sống ở đó đời đời kiếp kiếp" và câu trả lời "không còn gì nữa sau khi chết".

Không có nghiệp thì không tái sinh như trường hợp các vị A-la-hán và Phật. Phật và A-la-hán là các bậc giải thoát: không có những hành động vì "cái ta", không tạo nhân sống chết cho nên không còn sống chết. Giải thoát luân hồi là điều rất khó. Cho nên đối với chúng sinh chưa đủ sức giải thoát, Phật dạy cho họ những phương pháp tu dưỡng để khỏi sa đọa vào những cảnh giới xấu, khổ như súc sinh, ngạ quỷ và loài cực khổ và để sanh vào thế giới an lành như cảnh giới các loài trời hay ít nhất là để được sanh lại trong thế giới loài người, những nơi mà điều kiện sinh sống tương đối an vui và có thể giúp họ tiếp tục tiến bộ trên đường giác ngộ.

18. Tại sao Phật tử không tin "Thượng đế"?

- Phật tử là người muốn được giác ngộ như Phật, người đi tìm chân lý mà không phải là một tín đồ của một "thần giáo". Nhờ kinh nghiệm giác ngộ của Phật, Phật tử hiểu rằng vũ trụ là sự sống vô cùng vô tận và sự sống ấy là một. Do đó vũ trụ là một. Như thế không thể có một ai hay vật gì ở ngoài sự sống để sáng tạo và cai quản sự sống. Giả thiết có một đấng Thượng đế ở "ngoài" vũ trụ thì Ngài không thể nào tạo ra cuộc sống ở "trong" vũ trụ được, bởi vì không có sự liên quan gì giữa Ngài với sự sống trong vũ trụ cả. Vũ trụ là một dòng hiện tượng, tổng hợp của những liên hệ chủ quan và khách quan (Duyên khởi), không chắc thật (vô ngã) và luôn luôn biến

chuyển theo luật nhân quả (vô thường), không đầu không đuôi (vô thủ vô chung) mà không cần một thần linh nào sáng tạo và sắp đặt.

Phật tử không tin Thượng đế bởi vì nếu chấp nhận sự sống và cuộc sống do Thượng đế sáng tạo và cai quản, thì vô tình chính họ để mất tự do và khả năng sáng tạo của mình và chứng tỏ rằng họ bất lực trong việc xây dựng và cải tạo cuộc sống cá nhân và xã hội. Vì thế Phật tử chân chính là người không mê tín và ý lại vào thần linh, không "giao phó" số phận của mình cho thần linh và cũng không cầu xin sự "khoan dung" của thần linh.

19. Như vậy làm sao giải thích được nguồn gốc của con người và vũ trụ?

- Phần đông các tôn giáo đều giống nhau ở điểm giải thích về nguồn gốc của sự vật: chúa Allah, chúa Jéhova, Brahman, hoặc nhiều đấng thần linh khác.

Trong khi đó, đức Phật im lặng trước câu hỏi về nguyên nhân của vũ trụ và của những câu hỏi siêu hình vô ích. Phật giải thích rằng sự vật có ra và tồn tại trong nguyên lý Duyên khởi, nghĩa là sự vật tương quan tương duyên với nhau mà có ra chứ không do ai sinh cả. Nguyên nhân đầu tiên của một hữu tình đã không tìm thấy được thì nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ lại càng không thể tìm thấy được. Bởi vì theo Phật, thời gian mà theo đó một hữu tình lưu chuyển thật là vô thủ vô chung, không gian mà trong đó sự vật thành hoại thật là vô cùng vô tận. Hơn nữa, đạo Phật là đạo lý soi sáng cho con người thấy sự khổ đau, sự khuyết điểm, sự không vừa ý (dukkha) trong cuộc đời và chỉ bày cho con người những phương pháp tu dưỡng, cải tạo để thực hiện an lành (nirvâna) ngay "ở đây" và "bây giờ", nghĩa là trong cuộc sống này, Phật tử xem những sự bàn luận siêu hình là vô ích, có thể làm cho tâm trí con người ta rối loạn.

Để nói rõ phần chủ động trong sự sống thì đạo Phật cho biết rằng chính con người đã và đang không ngừng tạo ra sự sống riêng và chung, không kể lúc ngủ say, ngay lúc vừa thức dậy thì giác quan chúng ta liên tục sáng tạo cuộc sống gồm: hình thể, màu sắc, âm thanh, mùi vị, xúc chạm... Chính loài người đã xây dựng và có thể thay đổi cuộc sống theo ý muốn.

20. Theo đạo Phật thì những con người có mặt đầu tiên ở trên trái đất này là ai và ra sao?

- Trong vũ trụ bao la, không chỉ có trái đất này mà còn có hằng hà sa số thế giới khác trong đó có nhiều thế giới có các loài hữu tình khác nhau về thân hình cũng như tâm thức sinh sống.

Theo kinh Khởi thế nhân bản (Aggannasutta, Dn, III, 80-98, xem Trường Bộ Kinh), khi trái đất này mới hình thành thì có một số hữu tình (êtres vivants) từ cõi Quang âm (Abhassara) đến sống. Họ xuất hiện trên trái đất này với thân hình tỏa ánh sáng, tâm thức đầy niềm vui, phi hành tự tại trong hư không. Họ sống như vậy trong một thời gian rất lâu. Về sau vì tham ăn vị đất, nếm, cây, trái mà thân hình mất đi ánh sáng, trở nên thô cứng không thể phi hành trong hư không, và phân thành nam nữ... Và từ đó về sau do dục tính nên mới có những người sinh ra từ bào thai.

Theo truyền thuyết do chính Phật kể này thì loài người vốn đã là những hữu tình từ một thế giới khác đến và sống ở trái đất này, và do sự chuyển hóa lần lần của thân hình và tâm thức mà trở thành loài người hôm nay... Truyền thuyết này phù hợp với vũ trụ quan cũng như nhân sinh quan, nhất là với đạo lý Nghiệp (Karma) tạo tác luận của Phật giáo.

21. Không đề cập đến Thượng đế nhưng đạo Phật có nói đến bản thể vũ trụ không?

- Tuy không nói đến Thượng đế có tính người (nhân cách hóa) nhưng Phật có nói đến bản thể tuyệt đối (Tathatâ) không sinh, không diệt (xem Udanâ III.3) là mặt khác của hiện tượng (laksana) sinh diệt. Nhờ có bản thể này mà con người mới có thể giải thoát khổ đau và chứng đạt an lạc. Bản thể tuyệt đối này, được các luận sư sau Phật gọi bằng nhiều tên như: Pháp tánh, Chơn như, Thật tánh v.v... Nó nằm ngay nơi hiện tượng, nhưng chỉ có những người giác ngộ mới nhận ra được. Thấu triệt bản thể tuyệt đối này cũng gọi là Niết bàn hay chân lý siêu thế tức là đạt được giác ngộ (Bodhi). Sống đúng theo điều giác ngộ tức là giải thoát (Nirvâna). Bản thể này vốn là vô ngã tức là không. Do đó, mọi sự diễn tả bằng ngôn ngữ phát xuất từ ý niệm đều không phù hợp. Vì thế trong kinh điển, Phật nói rất ít về vấn đề này.

22. Xin cho biết chữ Trời trong Kinh điển đạo Phật và quan niệm Thượng đế khác nhau như thế nào?

- Thừa nhận vũ trụ luận đương thời ở Ấn độ, kinh điển đạo Phật có nói đến các cõi trời và nhiều loại hữu tình cao hơn loài người (trời). Thường thường thì một tiểu vũ trụ được chia làm ba cõi: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, trong đó có 5 loài hữu tình: trời, người, thú, quỷ và loài cực khổ. Như vậy trời chỉ là một loài hữu tình gồm nhiều loại khác nhau như sáu loại của cõi dục, mười sáu hoặc mười bảy loại thuộc cõi sắc và bốn loại thuộc cõi vô sắc.

Từ loài người, nếu tu tập mười điều thiện sau đây:

- 1 - không sát sanh
- 2 - không trộm cướp
- 3 - không tà hạnh (hành động nơi thân)
- 4 - không nói dối
- 5 - không nói thêu dệt
- 6 - không nói hai lưỡi
- 7 - không nói thô ác (lời nói nơi miệng)
- 8 - không tham lam
- 9 - không tàn bạo
- 10 - không hiểu biết sai (ý nghĩ nơi tâm)

thì được sanh vào một trong sáu loài trời thuộc cõi dục. Nếu tu tập thiên quán (chưa phải là phép thiên giải thoát) như bốn phép thiên (jhāna): sơ thiên, đệ nhị thiên, đệ tam thiên và đệ tứ thiên thì được sinh vào các loài trời thuộc cõi sắc. Nếu tu tập theo phép định (sammāpatti) như không-vô-biên-xứ-định, thức vô-biên-xứ-định, vô-sở-hữu-xứ-định và phi-phi-tướng-xứ-định thì được sinh vào các loài trời thuộc cõi vô sắc.

Các loài trời tuy có thân hình đẹp đẽ, hạnh phúc và sống lâu hơn loài người, hoặc tiến hóa hơn về phương diện tâm linh nhưng vẫn còn trong vòng sống chết, thay đổi. Trong các cõi trời thấp, có các vị trời lãnh tụ song không phải là đấng sáng tạo.

Như vậy chữ trời, trong kinh điển đạo Phật, không hề có nghĩa Thượng đế như trong kinh điển của các thần giáo.

23. Vậy thì đạo Phật chủ trương "hữu thần" hay "vô thần"?

- Khó mà trả lời đạo Phật là hữu thần hay vô thần. Trên kia có nói đạo Phật là một "tôn giáo không thờ thượng đế" là để cho người mới biết đạo Phật nhận ra rằng đạo Phật không phải là một thần giáo như các thần giáo khác. Nhưng vì danh từ "hữu thần" hay "vô thần" ngày nay không được hiểu biết một cách nghiêm chỉnh, cho nên có thể nói rằng đạo Phật không chủ trương có một đấng "thần linh hữu thể" toàn năng, toàn trí, sáng tạo và cai quản con người và muôn vật. Tuy nhiên, Đức Phật luôn luôn khuyến khích Phật tử nên kính trọng các bậc hiền triết và sống theo những lời dạy đúng đắn lợi ích của các bậc ấy. Như thế có thể nói đạo Phật là "lẽ sống giác ngộ". Lẽ sống này có nội dung đạo lý rất phong phú và nhất là mục đích diệt khổ của nó khác với chủ thuyết "hữu thần", "vô thần" của nhiều tôn giáo và triết học xưa nay.

Đạo Phật cũng không thuộc vào chủ thuyết "duy tâm" hay "duy vật" bởi vì Phật không hề lập nên một chủ thuyết nào mà chỉ trình bày sự thật nơi con người và vũ trụ. Đạo lý Duyên khởi của Phật là "trung đạo" (majjhimapatipadā) không rơi vào những chủ thuyết cực đoan chủ trương "có", "không", "tâm", "vật"... Hơn nữa, không nên xem đạo Phật chỉ là hệ thống tư tưởng, một lý thuyết, bởi vì đạo Phật vốn là một đạo lý độc đáo với những đạo lý như thật, thực tiễn của nó. Như thật, vì đạo Phật phù hợp với thực tại đa dạng hay toàn diện. Phật xem sự diễn tả phiến diện không những làm sai lạc sự thật mà còn gây ra sự hiểu lầm nguy hiểm. Câu chuyện những người mù sờ voi do Phật kể nhơn lúc các đạo sĩ, triết gia cãi nhau về chơn lý là bài học rất ý nghĩa (xem Udāna IV,4). Thực tiễn, vì những điều do Phật truyền dạy đều nhằm mục đích giải thoát khổ đau chứ không phải để thỏa mãn sự tò mò của trí óc con người. Như Phật nói, Ngài chỉ truyền dạy có một điều: "Khổ và sự Diệt khổ". Đọc kinh luận nếu thấy những quan điểm được Phật hay các luận sư nhấn mạnh với mục đích đả phá những thành kiến hay huấn thị cho một đối tượng đặc biệt nào đó, chúng ta nên hiểu chúng với tinh thần phá chấp mà không nên bám chặt và tạo thành những chủ thuyết cực đoan như: duy tâm, duy nghiệp, duy thức v.v... bởi vì Phật có nói: "Pháp còn phải bỏ đi huống gì là phi pháp".

Vì thế, xếp đạo Phật vào hệ thống "hữu thần" "vô thần", "duy tâm", "duy vật" một cách máy móc là sự sai lầm.

IV. Giáo Hội

24. Cho biết chữ Tăng già (sangha) là gì?

- Tăng già gọi tắt là Tăng, đoàn thể của tất cả những người chấp nhận đạo Phật làm lý tưởng. Nhưng chữ tăng già trong nghĩa hẹp thì chỉ cho đoàn thể Tỳ khuru, (bhikhu, bhikshu) và Tỳ khuru ni (bhikkhuni, bhikshuni), những người rời bỏ gia đình riêng tư, sống đời đạo hạnh lợi tha, chuyên lo tu học và hướng dẫn mọi người sống đạo.

25. Những ai có thể trở thành Tỳ kheo, Tỳ kheo ni?

- Tất cả, không phân biệt nòi giống, màu da, địa vị xã hội, với điều kiện là phải đủ nhân tướng, không có tật bệnh thân thể cũng như tinh thần, có ý chí hướng thượng và khả năng tu hành. Tu sĩ nam gọi là Tỳ kheo sống theo Tăng bộ. Tu sĩ nữ gọi là Tỳ kheo ni sống theo Ni bộ.

26. Tại sao có vị mặc áo nâu, có vị quần cà sa vàng?

- Nâu hay vàng đều là màu "giải thoát". Tuy nhiên, tổng quát mà nói thì các vị quần cà sa vàng thuộc Nam Tông. Các vị mặc áo nâu thuộc về Bắc Tông. Các vị thuộc hệ phái khác sĩ cũng quần y vàng song phần đông tu học theo giáo lý Bắc Tông. Phật giáo ngày nay đang có một khuynh hướng tổng hợp Bắc và Nam Tông, nên có những vị xuất gia ở Bắc Tông cũng quần cà sa vàng và những vị thuộc Nam Tông cũng mặc áo tràng nâu, nhất là khi phải sống ở các xứ lạnh hay ở Âu Mỹ.

27. Nam Tông và Bắc Tông khác nhau như thế nào?

- Sự thật thì chỉ có một đạo Phật. Tất cả Phật tử đều thờ kính Phật Gotama hay Thích Ca (Sâkyamuni), chấp nhận và tu học các đạo lý Duyên khởi, Vô ngã, Vô thường, Bốn Thánh đế vv... Sở dĩ có Nam Tông, Bắc Tông là vì có vài quan điểm khác nhau về giáo lý và phong tục địa phương. Đạo Phật ở các nước Tích Lan, Miến Điện, Campuchia, Lào... chịu ảnh hưởng của Thượng tọa bộ (Theravâda) từ Ấn Độ truyền về phương nam (Tích Lan) nên

được gọi là Nam Tông. Trong khi đó, đạo Phật ở các nước Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản... phần nhiều chịu ảnh hưởng của Đại thừa (Mahâyâna) trong đó có ảnh hưởng của Đại chúng bộ (Mahâsanghika), Nhất thế hữu bộ (Sarvâtivâda), Độc tử bộ (Vâtsiputriya)... từ Ấn Độ truyền về phương Bắc (Trung Á, Trung Hoa) nên được gọi là Bắc Tông. Theo ý kiến chung thì Nam Tông, nhờ bảo thủ mà còn giữ được nhiều tính chất nguyên thủy của đạo Phật. Còn Bắc Tông do phóng khoáng và canh tân nên đã hòa hợp với nếp sống địa phương hay quốc gia. Hiện nay đạo Phật, với các tổ chức quốc tế, đang cố gắng đi đến một nền Phật giáo tổng hợp, không phân biệt tông phái, địa phương. Hiện có nhiều tổ chức Phật giáo đề cao tinh thần "về nguồn" và ứng dụng đạo Phật một cách sáng tạo trong thời đại ngày nay.

28. Đạo Phật Việt Nam thuộc Nam Tông hay Bắc Tông?

- Đạo Phật Việt Nam vào những thế kỷ đầu tiên (I-V) do các Phật tử Ấn Độ và gần Ấn Độ truyền vào. Song suốt dòng lịch sử đạo Phật Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của Bắc Tông Trung Hoa đến. Gần đây, trong thời kỳ Pháp thuộc, ở miền Nam có thêm ảnh hưởng của Nam Tông từ Campuchia sang. Tuy chịu nhiều ảnh hưởng của Bắc Tông Trung Hoa song nhờ phong trào chấn hưng và canh tân (từ 1930), đạo Phật Việt Nam có một bộ mặt sáng sủa, linh hoạt và gần đạo lý Nguyên Thủy.

Từ năm 1945, đạo Phật Việt Nam, tùy theo địa phương và hoàn cảnh, phát triển khác nhau do có nhiều sắc thái khác nhau. Nói chung, ở "miền Bắc", đạo Phật vẫn giữ nguyên truyền thống Bắc Tông, trong khi đó ở "miền Nam" có cả Bắc Tông, Nam Tông. Đạo Phật Việt Nam có chịu ảnh hưởng của các phong trào chấn hưng đạo Phật ở các nước như Trung Hoa, Nhật Bản, Tích Lan, Ấn Độ.

29. Cho biết sơ tổ chức đạo Phật Việt Nam ngày nay?

- Đạo Phật vốn không có giáo quyền tập trung như Thiên chúa giáo. Vì hoàn cảnh đất nước trong quá khứ, đạo Phật Việt Nam, mãi đến năm 1981 mới có cơ quan chỉ đạo trung ương cho cả nước: Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm Hội đồng chứng minh và Hội đồng Trị sự. Dầu sao, Phật giáo liên tục có mặt ở Việt Nam trong suốt 2000 năm nay trong khi đó Phật giáo ở Ấn Độ và ở

một vài nước vùng Đông Nam Á bị tiêu diệt mà nguyên nhân chủ yếu là nạn Hồi giáo.

30. Cho biết qua tình hình Phật giáo thế giới gần đây và hiện nay?

- Đạo Phật phát sinh từ Ấn độ và được truyền rộng ra các nước lân cận ngay sau khi Phật viên tịch độ ba trăm năm dưới triều đại Asoka. Đạo Phật tiếp tục phát triển ở Ấn độ cho đến thế kỷ thứ XIII thì bị tiêu diệt hoàn toàn do sự tàn phá của Hồi giáo. Tuy nhiên, đạo Phật ở các nước ngoài Ấn độ vẫn phát triển. Về sau, chính phong trào tìm thuộc địa của Tây phương đã làm cho đạo Phật ở Viễn Đông, Đông Nam Á bị đàn áp, lu mờ và bị bỏ quên.

Nhưng, trong những người đến với các nước Phật giáo có một số học giả làm quen rồi yêu chuộng nền văn hóa Đông phương nói chung và đạo Phật nói riêng như bác sĩ Peebles, đại tá Olcott, ông bà giáo sư Ryhs Davids, bà Blavatsky... Chính những học giả Âu Mỹ này đã làm cho nhiều người Đông phương, chú ý đến sự sáng đẹp của Đạo Phật. Về sau nhờ những Phật tử có lòng như đại đức Dharmapala, đại sư Thái Hư... quyết tâm phục hưng đạo Phật. Chỉ trong thời gian độ 50 năm lại đây đạo Phật trở nên một đạo có uy tín; bên ngoài thì được các học giả Âu Á lưu tâm nghiên cứu và bên trong thì các Phật tử cố gắng tu học và phổ biến. Hiện nay số Phật tử khắp thế giới càng ngày càng tăng và các tổ chức Phật học càng ngày càng nhiều.

Hiện có nhiều cơ quan quốc tế của Phật giáo. Song những cơ quan này chỉ là những cơ quan chỉ đạo tối cao. - Âu Mỹ cũng có các hội Phật giáo. Tại các trường Đại học ở Londres, Paris, Louvain, Munchen v.v... đều có người nghiên cứu và giảng dạy Phật học. Kinh sách đạo Phật cũng được dịch, viết ra bằng các sinh ngữ Pháp, Anh, Đức...

Nhiều học giả Âu Mỹ nghĩ rằng đạo Phật là một lẽ sống thích hợp với con người tiến bộ và hy vọng rằng đạo Phật sẽ giúp loài người giải thoát sự thối loạn do văn minh máy móc gây nên

V. Phật tử

31. Cho biết sơ qua bốn phận của một Phật tử?

- Phật tử chân chánh là người biết thể hiện chánh pháp trong những bốn phận sau đây: tu dưỡng bản thân, Phật hóa gia đình, cải tạo xã hội.

32. Thế nào là tu dưỡng bản thân?

- Mục đích đầu tiên mà người Phật tử nhắm đến là "người giác ngộ". Do đó tu dưỡng bản thân là việc rất cần thiết. Tu dưỡng nghĩa là cải tạo: về tình cảm, chuyển đổi tham lam tàn bạo thành yêu thương giúp đỡ (từ bi), về lý trí, chuyển đổi si mê lầm lạc thành giác ngộ sáng suốt (trí tuệ), về ý chí, chuyển đổi hèn nhát thụ động, sợ sệt thành quả cảm tinh tấn. Đủ Bi, Trí, Dũng là người giác ngộ.

33. Giải thích thêm về Bi, Trí, Dũng.

- Bi hay từ bi có nghĩa là thương yêu giúp đỡ. Từ bi không phải là lòng thương hại những kẻ xấu số mà là lòng thương yêu bình đẳng, sự giúp đỡ chân thành như tình thương và sự lo lắng của bà mẹ hiền đối với đứa con một. Chúng ta hiện thiếu hoặc có rất ít tình cảm tốt đẹp rộng rãi ấy. Do đó, chúng ta nên tu dưỡng lòng từ bi bằng cách chân thành thương yêu và giúp đỡ những người thân yêu như cha mẹ, anh em, bà con rồi đến đồng bào, đồng loại và tất cả chúng sinh. Từ bi làm cho con người hoàn toàn về tình cảm.

Trí hay trí tuệ có nghĩa là sự hiểu biết sự vật đúng như sự thật (yathâbhuta). Chúng ta có kiến thức song chưa có trí tuệ vì chúng ta chưa ra khỏi ảnh hưởng của vô minh (avijjâ) và còn bị tình cảm vẫn đục chi phối. Do đó, muốn thấu rõ sự vật đúng như thật, chúng ta cần phải trau dồi trí tuệ bằng cách không chủ quan, tự mãn mà thành khẩn học hỏi, suy nghĩ khách quan (cintâ) và thực nghiệm thấu đáo (bhâvanâ). Sự phát triển trí tuệ đầy đủ làm cho con người hoàn toàn về lý trí.

Dũng hay dũng cảm có nghĩa là mạnh dạn, dám hành động trong chiều hướng cao đẹp. Phần đông chúng ta chưa có đủ dũng cảm vì chúng ta còn sợ

khó, nếu không nói là hèn nhát. Nhiều khi thấy chính nghĩa song không dám dẫn thân vì sợ nguy hại cho quyền lợi, danh dự và tính mạng. Có người dám nói, dám làm song lại thiếu từ bi, trí tuệ nên thường manh động hơn hành động. Do đó, chúng ta phải phát triển dũng cảm bằng cách tự thắng những tính xấu ác trong chúng ta rồi vận động sức mạnh của mình, liên tục ngăn trừ điều xấu ác đã sinh, phát khởi điều lành ích chưa có và làm cho điều lành ích đã có tăng trưởng. Dũng cảm làm cho con người hoàn toàn về ý chí.

34. Phật hóa gia đình là thế nào?

- Chấp nhận đạo Phật là lẽ sống cao đẹp, người Phật tử ở nhà ngoài việc tu dưỡng bản thân, còn có bổ phận với gia đình. Trong nhiều kinh như kinh Chơn hạnh phúc (Mahāmangala), kinh Thiện sanh (Sigalovāda)... Đức Phật khuyến khích người cư sĩ làm tròn bổn phận của chồng đối với vợ, của vợ đối với chồng, của cha mẹ đối với con cái, của con cái đối với cha mẹ... Người gia trưởng, không những phải lo chu đáo đời sống vật chất của gia đình mà còn phải hướng dẫn quyến thuộc sống theo chánh đạo để gia đình có hạnh phúc chân thật, nghĩa là Phật hóa gia đình. Nếu gia đình được Phật hóa thì chính những người trong gia đình là bạn tốt của nhau, khuyến khích giúp đỡ lẫn nhau hướng thiện và hướng thượng.

35. Làm sao để cải tạo xã hội?

- Theo đạo lý Duyên khởi thì sự hình thành của sự vật do nhiều nhân duyên ; những nhân duyên này liên hệ mật thiết với nhau " Cái này có thì cái kia có, cái này tốt thì cái kia tốt " ; do đó, muốn cho cuộc sống riêng và chung được an lành thì không những phải tu dưỡng bản thân, Phật hóa gia đình mà còn phải cải tạo xã hội. Phật tử có bổn phận đóng góp vào công cuộc cải tạo xã hội, muốn đóng góp của mình có kết quả tốt đẹp thì trước tiên phải tự cách mạng bản thân: loại bỏ tâm mưu cầu danh lợi, đào luyện chí nguyện lợi tha, rồi quyết tâm phục vụ cho quyền lợi đồng bào và xã hội. Tài năng tuy cần thiết song đạo đức vẫn là yếu tố không thể thiếu trong công việc ích người lợi xã hội. Cư sĩ, nếu có đủ khả năng nên tham dự tất cả công tác xã hội như chính trị, kinh tế, y tế... Đạo lý Duyên khởi dạy cho người Phật tử biết linh động trong việc khảo sát sự vật và thực hiện công tác tu dưỡng bản thân cũng như cải tạo xã hội. Có thể đặt vấn đề tu dưỡng cá nhân trước và cải tạo xã hội sau, cũng có thể cải tạo xã hội trước và tu dưỡng cá nhân sau, tùy theo

sự quan trọng của vấn đề trong hoàn cảnh nào đó, hoặc cả hai vấn đề có thể được thực hiện một lần.

36. Cho biết thái độ Phật tử đối với việc xây dựng hòa bình?

- Xét về đạo lý và lịch sử thì đạo Phật quả là đạo hòa bình. Mục đích cao nhất của đạo Phật là Nirvâna mà một trong nhiều định nghĩa là hòa bình (Santi, Sun, 204). Đức Phật cũng được gọi là ông Hoàng Hòa bình (Santirâja). Phương thức tu dưỡng do Phật chỉ dạy là lối sống hòa hợp (samacariya) với con người.

Theo đạo lý Duyên khởi thì sự vật do nhiều nhân duyên mà phát sinh và hiện hữu. Nếu đã nhờ nhau nương nhau mà sống còn thì loài người phải làm cho những tương quan, tương duyên tốt đẹp để cùng nhau vui hưởng an lành.

Để phá về sự ngăn cách chống đối giữa cá nhân, giữa những tập thể thì không gì tốt đẹp hơn là tu học theo đạo lý vô ngã (anatta). Đạo lý này chủ trương con người cũng như sự vật không hề có cái ta biệt lập - nguyên nhân của ích kỷ, tự tôn, tự kiêu... Xã hội và tập thể không phải là những cấu trúc cứng nhắc, không biến đổi mà chỉ là những giả hợp của nhiều yếu tố như nhân sự, kinh tế, chính trị... Do đó, muốn sống cao đẹp thì phải sống theo tinh thần vô ngã, lợi tha, muốn tổ chức xã hội một cách hợp lý, công bình thì nên tổ chức theo tinh thần cộng đồng, hòa hợp.

Về phần đào luyện đạo đức thì hầu hết phương pháp tu dưỡng trong đạo Phật đều nhằm mục đích diệt trừ tham lam, thù hận và xây dựng an lành cho mình, cho người trong tinh thần từ bi:

"Nhu mẹ hiền thương yêu con một
Dám hy sinh bảo vệ cho con
Với muôn loài ân cần không khác
Lòng ái từ như bể như non
Tung rải từ tâm khắp vũ trụ
Mở rộng lòng thương không giới hạn." (Kinh Từ bi, Sun, 1.8)

Ngoài ra, Phật còn dạy nhiều phương pháp xây dựng hòa bình một cách xác thực mà 6 nguyên tắc sau đây là căn bản: 1. thân hòa cùng chung sống, 2. miệng hòa không cãi cọ, 3. ý hòa cùng vui vẻ, 4. kiến (tư tưởng) hòa cùng thông cảm, 5. giới (kỷ luật) hòa cùng tôn trọng, 6. lợi hòa cùng hưởng thụ.

Như vậy Phật tử khi xây dựng hòa bình cho mình cho người không phải chỉ làm theo lời khuyên đạo đức mà hành động đúng theo cơ sở đạo lý của Phật.

37. Vì sao phải phổ biến chánh pháp?

- Phật tử phải phổ biến chánh pháp bởi vì chánh pháp là ánh sáng chân lý, là nguồn vui bất diệt cho loài người. Phật tử phải vận dụng mọi phương tiện tốt để đem chánh pháp đến cho đời: nghĩa là làm cho mọi người hiểu và sống Đạo. Phật tử làm công việc này với mục đích "đem an vui đến cho muôn người" chứ không phải để gây thanh thế cho đạo của mình. Người cư sĩ không những chỉ ủng hộ chư tăng trong công việc truyền bá chánh pháp, mà còn phải tự mình truyền bá chánh pháp. Chính người cư sĩ, với hình thức tại gia, rất thích hợp và dễ dàng Phổ biến chánh pháp bằng cách sống đạo để làm gương và khuyến khích những người gần gũi mình hướng thiện. Sự tồn tại của đạo Phật không chỉ ở nơi sự nguy nga tráng lệ của chùa chiền, sự giàu có và uy quyền của giáo hội mà ở nơi sự sống đạo của Phật tử và mọi người. Vì thế phổ biến chánh pháp tức là bảo vệ chánh pháp.

38. Muốn phổ biến chánh pháp nên theo những quy tắc nào?

Ai muốn phổ biến chánh pháp, trước hết nên phát tâm từ bi đối với tất cả mọi người. Rồi tùy theo hoàn cảnh, tìm những người gần mình hoặc có duyên với mình để dìu dắt họ hướng về lý tưởng giác ngộ. Trong khi dìu dắt cố gắng áp dụng bốn phương pháp nhiếp người sau đây:

1. San sẻ (bố thí): chia sẻ vật chất, công sức và văn hóa.
2. Đẹp lời (ái ngữ): nói năng hòa nhã, dịu dàng, dễ nghe.
3. Ích người (lợi hành): phục vụ một cách không vụ lợi mà chỉ nhằm lợi ích cho người khác.
4. Gần gũi (đồng sự): hiểu biết trình độ, thông cảm nếp sống, tâm tình của người, sống gần và nói, làm như người mình muốn dìu dắt (cũng có nghĩa là phục vụ một cách bình đẳng không phân biệt).

Bốn phương pháp nhiếp người trên đây là nghệ thuật dìu dắt người trong mục đích phổ biến chánh pháp.

VI. Linh tinh

39. Quy y là gì?

- Quy y nghĩa là hướng về và sống theo Phật, Pháp, Tăng. Sự quy y làm chúng ta trở thành Phật tử. Bất cứ ai biết hướng về và sống theo "ba ngôi báu" đều là người đã quy y. Song theo phong tục thì một người được nhận là đã quy y sau khi tham dự lễ "nhập đạo" do một hay nhiều thầy chứng minh. Trong lễ này, người quy y xác nhận sự hướng về các đấng giác ngộ, sống theo đạo lý giác ngộ và bằng lòng sự hướng dẫn của những người có kinh nghiệm giác ngộ và sống hòa hợp với các bạn cùng lý tưởng.

Sau phần trên, người quy y được đặt cho một tên đạo (pháp danh, như: Tâm Minh, Nguyên Quang...) và được khuyến khích tu học theo năm điều nên học (giới). Quy y còn có nghĩa là ý thức và phát triển khả năng giác ngộ (Phật), chân lý nhiệm mầu (Pháp) và đức tính hòa hợp (Tăng) sẵn có trong mỗi người.

40. Có nên đi chùa và gặp các người tu hành không?

- Nên, ít nhất một tháng hai lần cùng đi lễ Phật, tụng kinh, tham thiền và góp phần xây dựng giáo hội với các Phật tử khác. Không khí đạo vị ở chùa viện giúp chúng ta tăng trưởng niềm tin và ý chí hướng thượng. Sự hòa hợp với những người đồng đạo giúp chúng ta tiên bộ trong đời sống đạo. Phật tử nên gần gũi tăng ni để học hỏi đạo lý và kinh nghiệm tu dưỡng.

41. Thờ Phật trong nhà có lợi ích gì?

- Sự thờ Phật trong nhà đem lại ảnh hưởng tốt đẹp cho việc tu dưỡng và cho hòa khí trong gia đình. Chọn nơi trang nghiêm nhất trong nhà, trang trí một tượng hay ảnh Phật đẹp. Trên bàn thờ Phật không nên bày biện rộn ràng: một bình hoa, một lư hương, một đôi đèn là đủ.

Hình ảnh Bi, Trí, Dũng của đức Phật ảnh hưởng thường xuyên lời nói và việc làm của chúng ta, nhắc nhở chúng ta cố gắng trên đường giác ngộ.

42. Cho biết ý nghĩa của sự tụng kinh?

- Tụng kinh không phải là cầu khẩn mà là đọc tụng những kinh nghiệm giác ngộ của Phật và những lời cao đẹp của Ngài. Tụng kinh là một trong những cách huân tập (xông ướp) chân lý cao siêu, ý đạo nhiệm mầu vào tâm tư.

Nên đọc tụng các kinh bằng thứ chữ mà mình hiểu nghĩa lý một cách rõ ràng để sự huân tập được sâu sắc. Nên tụng kinh hàng ngày nơi tôn nghiêm vào lúc trước khi đi ngủ hoặc sau khi vừa thức dậy. Nếu không có bàn thờ Phật thì có thể tụng kinh ngay trong phòng ngủ hay ở bàn làm việc. Chuông mõ chỉ là những nhạc cụ giúp cho sự hòa nhịp, nhất là lúc nhiều người đồng tụng. Vì thế có thể tụng kinh mà không có chuông mõ. Nên chọn những kinh có ý nghĩa và thích hợp mà tụng, "Tụng trăm bài kệ vô nghĩa chẳng bằng tụng một lời đúng chánh pháp, mà khi nghe đến người ta được an lành" (Pháp cú, 102).

43. Sám hối là gì?

- Sám hối nghĩa là ăn năn những lỗi lầm đã phạm và hứa nguyện không tái phạm. Muốn tiến bộ trên đường giác ngộ, phải sám hối hàng ngày. Sau khi tụng kinh, tham thiền hoặc trước khi đi ngủ, nên ngồi yên lặng trong năm phút, lấy năm điều tu học (giới) để xét việc làm, lời nói và ý nghĩ trong ngày. Nếu thấy có những hành động không tốt thì nên sám hối ngay. Nếu được thì nên dự các lễ sám hối vào ngày 14 hay 30 âm lịch tại chùa. Tốt hơn nữa là mời một vài người mình tin tưởng và kính mến chứng minh cho sự sám hối các lỗi nặng. Trong khi tĩnh tâm xét mình, nếu thấy đã có những hành động thuận hợp năm điều tu học thì nên hoan hỷ và nguyện cố gắng phát triển.

44. Niệm Phật là thế nào?

- Niệm Phật là tưởng nhớ các đấng Giác ngộ bằng cách đọc lên các danh hiệu các vị ấy, như đọc "Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật" hay đọc vắn tắt "Nam mô Phật" (nghĩa là kính lễ đức Giác ngộ). Chiêm ngưỡng hình tượng của Phật cũng là cách khác của sự niệm Phật. Qua danh hiệu và hình tượng của Phật, người niệm Phật tưởng nhớ đến đức tính từ bi, hỷ xả của

Phật. Sự nhớ tưởng này làm phát sinh và tăng trưởng đức tính từ bi hỷ xả nơi người niệm Phật.

Có thể niệm Phật trong bất cứ lúc nào, song niệm Phật trước khi đi ngủ là tốt nhất vì thiện tâm sẽ được nảy nở liên tục ngay trong giấc ngủ, nhờ đó mà được an lành và không có ác mộng.

45. Tu thiền là gì?

- Tu thiền là tu tập các phương pháp chỉ (samatha) và quán (vipassanâ). Chỉ nghĩa là kiểm soát tư tưởng và tập trung tâm lực. Phương pháp "chú ý hơi thở" là phương pháp chỉ tốt nhất. Quán nghĩa là phát triển khả năng nhận thức theo kinh nghiệm giác ngộ của Phật để ngộ đạt chân lý. Tùy theo trình độ mà người tham thiền được các vị thiền sư dạy cho các đề mục khác nhau. Ví như người hay nóng giận thì tu tập đề mục từ bi (mettâ), người hay cố chấp thì tu tập đề mục vô ngã (anattâ)...

Dù tu tập đề mục gì cũng phải tuân theo những điều cần yếu như giữ gìn các điều tu học căn bản, ở nơi thanh tịnh, gần gũi thầy sáng, bạn lành, ăn uống tiết độ, mặc quần áo rộng rãi, ngồi đúng cách... Có thiền định mới có trí tuệ, do đó muốn đạt đạo không thể không tu thiền.

46. Vì sao Phật tử ăn chay?

- Ăn chay là ăn toàn rau trái mà không ăn thịt cá. Ăn chay là biểu lộ lòng từ bi đối với loài vật, tuy ngu si hèn yếu hơn người nhưng vẫn ham sống sợ chết. Ăn chay nếu ăn đủ chất bổ, giúp chúng ta được nhẹ nhàng khoẻ khoắn, dễ dàng tu dưỡng. Phật tử ăn chay là vì từ bi mà không phải vì sợ và kính thú vật như người theo Ấn độ giáo hay vì kiêng cử như người theo các tôn giáo khác.

Phật tử ở nhà nếu chưa ăn chay thường xuyên (trường trai) thì nên cố gắng ăn chay một tháng hai ngày (rằm và mồng một). Trong những ngày ăn chay, nếu được nên phát nguyện tu dưỡng theo tám điều tu học (bát quan trai): năm điều tu học thường và thêm ba nữa là: không ăn quá ngọt, không xem nghe ca múa, không trang điểm và ngồi nằm trên giường ghế cao đẹp. Sự tu dưỡng theo tám điều tu này giúp ta dễ dàng có định tâm và phát triển trí tuệ.

47. Phật tử phải kỵ giỗ như thế nào cho hợp đạo?

- Kỵ giỗ là một phong tục tốt vì đó là sự tỏ lòng tưởng nhớ, thương mến và biết ơn đối với người đã qua đời. Trong khi kỵ giỗ, lòng thành là quan trọng chứ không phải phẩm vật hay hình thức cúng kính rộn ràng? Do đó Phật tử nên tổ chức kỵ giỗ càng trang nghiêm càng tốt. Không nên tiêu phí tiền bạc, thì giờ, ăn uống linh đình. Nên nhân những ngày kỵ giỗ để đoàn kết gia đình, bạn bè và học tập những đức tính cao thượng tốt đẹp của tiền nhân. Có thể kỵ giỗ trong hình thức cầu siêu ở nhà hoặc ở chùa để thêm phần ý nghĩa và trang trọng.

48. Cầu an là gì?

- Phật dạy: "Người nào muốn phụng sự Như Lai thì hãy săn sóc người bệnh". Do đó Phật tử, đối với người đau ốm tật bệnh phải lưu tâm thăm viếng, săn sóc hỏi han, tùy theo bệnh hết lòng thuốc men giúp đỡ, không nên tin nhầm nhí vào đồng cốt dị đoan. Trong khi tụng kinh, niệm Phật nên rải lòng từ bi đến người bệnh và cầu mong cho họ được chóng bình phục và an lành.

49. Gia đình Phật tử nên tổ chức lễ cưới cho con cháu như thế nào?

- Từ lâu người ta thường nghĩ rằng việc hỏi cưới là việc đời không dính gì đạo. Các tu sĩ Phật giáo Việt nam cũng ít khi làm lễ cưới cho Phật tử tại chùa hoặc tại hội quán. Theo giới luật của người xuất gia thì các thầy không được làm mai mối, song có thể chứng minh cho lễ giao ước sống chung và xây dựng gia đình của hai Phật tử hay của một Phật tử với một không Phật tử, miễn là hai người này thuận tình và tôn trọng lý tưởng của nhau. - các nước Phật giáo nguyên thủy, các tu sĩ vẫn chứng minh cho lễ cưới của Phật tử tại nhà.

Để hòa hợp với lễ giáo dân tộc hoặc phong tục xã hội, gia đình Phật tử có thể tổ chức hai lễ: một lễ tại nhà riêng với những thủ tục phải làm tại trụ sở hành chánh cùng sự tham dự của tất cả những người thân hay liên hệ, một lễ khác tại chùa hoặc tại hội quán với sự chứng minh của các thầy và các đạo

hữu. Trong trường hợp muốn giản dị hóa nghi lễ thì phần đầu có thể làm nhẹ đi và phần thứ hai là phần chính. Trong phần nghi lễ tại chùa hay hội quán, nếu hai vợ chồng chưa chính thức quy y "ba ngôi báu" và chưa hứa nguyện giữ gìn năm điều tu học thì sẽ được thầy chủ lễ, trước hết là truyền ba quy y và năm điều tu học, kế đó là được thầy khuyên nhủ bằng cách đọc và giảng những điều dạy của đức Phật về bốn phận của chồng đối với vợ, vợ đối với chồng, cha mẹ đối với con cái... (nếu cần trích dẫn phần quan trọng trong kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt (Sigalovâda) Trường bộ kinh số 31). Thầy chủ lễ cũng nên giảng ý nghĩa của chiếc nhẫn mà người chồng đeo cho vợ và vợ đeo cho chồng là biểu trưng của hạnh phúc gia đình trong sự nhẫn nhục tha thứ, hiểu biết và thông cảm cho nhau. Cuối cùng, một buổi trà đạo có thể được tổ chức ở phòng khách của chùa hay hội quán.

Theo đạo Phật, lễ cưới là một lễ rất long trọng của hai người khác phái muốn làm bạn với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì thế cốt yếu của lễ cưới là làm sao cho vợ chồng mới hiểu biết bốn phận đối với nhau, nghệ thuật sống chung với nhau và nhất là hứa nguyện thương yêu chân thành, đối xử bình đẳng và sẵn sàng giúp nhau tiến bộ trong cuộc sống an lành, cao đẹp và hy sinh cho con cháu về sau. Gia đình Phật tử phải hiểu và tổ chức lễ cưới cho con cháu trong ý nghĩa ấy. Điều nên tránh là không nên phỏng theo ý nghĩa và hình thức nghi lễ của các tôn giáo khác mà nội dung giáo lý về hôn nhân khác hẳn đạo Phật. Và cũng nên giảm bớt hình thức ồn ào, nghi lễ nặng nề và nhất là không nên xa xỉ, mê tín.

50. Xin cho biết thái độ của gia đình Phật tử đối với vấn đề hạn chế sinh sản.

- Ngày nay người ta thường bàn đến vấn đề hạn chế sinh sản và thái độ của những người có tôn giáo đối với vấn đề này. Có một vài tôn giáo xem vấn đề hạn chế sinh sản là một "tội lỗi" vì nó chống trái với giáo điều của họ. Phật tử không bị mắc kẹt trong vấn đề này. Bởi vì theo đạo Phật sự sống của con người được hình thành trong lúc đầu tiên bởi ba yếu tố:

1. Noãn châu của người mẹ đang ở trong thời kỳ có thể sinh con.
2. Tinh trùng người cha.
3. Thần thức (gandharva) sẵn sàng để được sinh (xem Majjhimanikâya, II.156 và Abhidharmakosa, III.12 trang 37 ghi chú số I).

Như vậy nếu không có sự hòa hợp của cả ba yếu tố trên thì bào thai không thể hình thành. Do đó gia đình Phật tử, sau khi xét khả năng sinh đẻ và nuôi dưỡng con cái của mình, có thể hạn chế sinh sản bằng cách áp dụng những phương pháp hạn chế sinh sản mà khoa học đã tìm ra. Tuy nhiên, hạn chế sinh sản không có nghĩa là phá hoại sự sống của con cái. Cũng như người yêu hoa giữ gìn hạt hoa và nụ hoa, Phật tử luôn luôn tôn trọng, bảo vệ sự sống kể cả mầm sống.

"... Không bỏ sót một hữu tình nào,
Kẻ ốm yếu hoặc người khoẻ mạnh,
Giống lớn to hoặc loại dài cao,
Cỡ trung bình, hoặc ngắn, nhỏ, thô.

Có hình tướng hay không hình tướng,
Ở gần ta hoặc ở nơi xa,
Đã sinh rồi hoặc sắp sinh ra,
Cầu cho tất cả đều an lạc." (Kinh Từ bi - Mettā Sutta)

51. Phải làm gì khi trong nhà có người chết?

- Khi biết người thân sắp từ trần thì người trong nhà không nên kêu khóc mà nên xếp dọn chung quanh chỗ người chết, trang trí tượng Phật hay hoa, mời thầy hoặc người mà người sắp chết kính mến đến để khuyên bảo người sắp chết không nên sợ hãi, buồn rầu mà nên nhớ lại những công đức đã làm và nhất tâm thiền định hay niệm Phật. Ngay lúc người thân gần trút hơi thở cuối cùng, tất cả mọi người trong nhà họp lại, tỉnh táo niệm Phật để cho người thân chết một cách nhẹ nhàng an lành. Nên để người chết nằm yên vài giờ, không nên đung mạnh vào thân thể vì có thể làm cho người đang mất đau đớn mà sinh nóng giận, có hại. Nên tổ chức lễ an táng một cách giản dị, ít tốn kém. Tránh ma chay, đãi đằng linh đình. Cũng không nên tiêu phí quá nhiều trong việc xây cất mồ mả. Nếu giàu có nên làm việc phước thiện để hồi hướng công đức cho người chết.

Tính theo ngày chết, cứ bảy ngày thì làm một lễ cầu siêu giản dị (cắm hoa, thắp hương và ngời tưởng niệm và nếu có thể thì tụng kinh Từ bi) một lần để tưởng nhớ, cầu nguyện cho người thân, đủ 49 ngày thì thôi. Về lễ cầu siêu thì có thể tổ chức tại nhà hoặc ở chùa. Ngoài bàn thờ Phật nên thiết một bàn thờ nhỏ gồm có hình ảnh người thân đã mất, nến, hoa và hương. Nếu có thầy chủ lễ thì quý, không thì bà con trong gia đình và đạo hữu tụng kinh cầu siêu

và quán từ bi (mettâbhavanâ) để cầu cho người chết được sinh về nơi an lành.

52. Phật tử phải đối với người khác tư tưởng, khác đạo như thế nào?

- Đối với người khác đạo, khác tư tưởng, Phật tử không nên kỳ thị, kiêu hãnh mà nên chân thành tìm hiểu so sánh tư tưởng hay tín ngưỡng của người khác. Nhất quyết không nên tranh luận với mục đích chống đối, chinh phục hay khinh miệt tín ngưỡng, tư tưởng của kẻ khác. Cũng như người yêu hoa, mình có quyền yêu thứ hoa mà mình thích nhất nhưng không ai lại chê bai thứ hoa mà người khác thích. Phật tử yêu kính đạo Phật nhưng luôn luôn tìm hiểu, khoan dung và tôn trọng tư tưởng cũng như tín ngưỡng của người khác.

[^]

Hòa thượng Thích Thiện Châu
Trúc Lâm Thiền viện,
Paris, 1997

HẾT